

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **323/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2018

V/v “Xin Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ký

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh

Ông Phạm Doãn Đức

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký

Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1403/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 08/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 453/2018/QĐST–HNGĐ ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.**

Địa chỉ: 16/4A, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Tổ 8, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1969.**

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Đặng Văn Đ kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông Đặng Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn D, sinh ngày 13/02/2001. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu D. Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2014 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông Đ tự nguyện kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về nội dung: Bà H trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ không lên Tòa án làm việc chứng tỏ không thiết tha hàn gắn đoàn tụ với bà H, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này và coi như thừa nhận lời trình bày của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H, ông Đ ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn

nhân không đạt được nên có hàn gắn vợ chồng cũng không hạnh phúc. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H ly hôn ông Đức.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn D, sinh ngày 13/02/2001. Bà H xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Hiện nay cháu D đang ở với bà H và có nguyện vọng ở với mẹ. Ông Đ không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến về con chung nên cần giao cháu D cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Bà H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông Đ về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007694 ngày 12/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn ông Đ. Về con chung: Có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn D, sinh ngày 13/02/2001. Hiện nay cháu D ở với mẹ và có nguyện vọng ở với mẹ. Ông Đ không có ý kiến về con chung nên cần giao cháu D cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Bà H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 203, 207, 220, 266, 271, Điều 227, 228; 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Điều 84; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đặng Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Nguyễn D, sinh ngày 13/02/2001 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đặng Văn Đ được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông Đ về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007694 ngày 12/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bà H, ông Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP B;
- THA dân sự TP.B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND Phường T, TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Lê Thị Ký